

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THANH TRỊ  
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 54/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 25-7-2024

V/v ly hôn

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH TRỊ, TỈNH SÓC TRĂNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Nghiệp

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thanh Hải

Ông Ngô Văn Tân

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Thạch Sơn Hà, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

**- Vụ án không thuộc trường hợp Viện kiểm sát phải tham gia phiên tòa.**

Ngày 25 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng; xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 122/2024/TLST-HNGĐ, ngày 14 tháng 6 năm 2024 về việc "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 121/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Anh Mai Đức B, sinh năm 1990 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn D, xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

**- Bị đơn:** Chị Đinh Thị Y, sinh năm 1993 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện đề ngày 24/5/2024 nguyên đơn anh Mai Đức B trình bày:

Anh và chị Đinh Thị Y tự nguyện chung sống với nhau, ngày 02/12/2019 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, nhưng đến năm 2022 thì phát sinh nhiều bất đồng quan điểm, thường xuyên mâu thuẫn, cãi vã nhau, hiện cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, tại đơn kiện anh B yêu cầu được ly hôn với chị Y. Con chung, tài sản chung và nợ chung đều không có, không yêu cầu giải quyết.

Tại Tờ tường trình của chị Đinh Thị Y ngày 19/6/2024 chị Y trình bày:

Chị thống nhất nội dung trình bày của anh B trong đơn khởi kiện về quan hệ hôn nhân, vợ chồng không có con chung, không tài sản chung và không nợ chung. Chị và anh B đã thỏa thuận được với nhau về các vấn đề trong vụ án cụ thể về quan

hệ hôn nhân chị đồng ý ly hôn với anh B. Về con chung, tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đương sự yêu cầu ly hôn, quan hệ tranh chấp được pháp luật điều chỉnh tại các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đương sự đều có đơn yêu cầu được giải quyết vắng mặt, căn cứ Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn anh Mai Đức B và bị đơn chị Đinh Thị Y.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn thể hiện ngày 02/12/2019 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa, anh Mai Đức B và chị Đinh Thị Y đã đăng ký kết hôn với nhau, đương sự trình bày kết hôn trên cơ sở tự nguyện, do vậy hôn nhân này là hợp pháp. Qua lời trình bày của đương sự thể hiện, trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn dẫn đến cãi vã nhau, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh B và chị Y đều thống nhất ly hôn, xét thấy đây là ý chí tự nguyện của đương sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận, giải quyết cho anh B và chị Y được ly hôn với nhau.

[3] Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Đương sự thống nhất trình bày không có và không yêu cầu giải quyết. Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí sơ thẩm: Anh B là người xin ly hôn phải chịu án phí số tiền 300.000 đồng theo quy định của pháp luật.

[5] Đương sự được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho anh Mai Đức B được ly hôn với chị Đinh Thị Y.

2. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Đương sự trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

3. Án phí sơ thẩm: Anh Mai Đức B phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu số

0003968 ngày 13/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng, anh B đã nộp đủ án phí.

Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với người vắng mặt kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án tại Ủy ban nhân dân nơi đương sự cư trú để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Thạnh Trị;
- UBND xã N;
- Đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thành Nghiệp**